TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương.

2. Bà Phan Thị Sơn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ B, thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện tại: Tổ B, thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ B, thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện tại: Tổ B, thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:

Năm 2001, bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ là hàng xóm với nhau. Sau thời gian tìm hiểu khoảng một năm, hai bên nảy sinh tình cảm, được người lớn hai nhà đứng ra tổ chức lễ cưới. Bà N và ông Đ tự nguyện sống chung với nhau, đăng ký kết hôn năm 2002, và thực hiện đăng ký lại kết hôn được Ủy ban nhân

dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 26/10/2022, xác nhận đăng ký lại kết hôn, hông nhân được xác lập từ ngày 14/9/2002.

Quá trình chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Đ nghiện rượu, ngày càng nặng, không chăm lo cho gia đình, không chịu làm ăn phụ vợ chăm lo gia đình, con cái. Bà N đã nộp đơn ly hôn, nhưng vợ chồng hàn gắn cho nhau cơ hội, cùng nhau sửa chữa xây dựng gia đình. Nhưng từ ngày đó đến nay ông Đ không có sự thay đổi, tình trạng ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay thì không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N đề nghị ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ có ba con chung là Hoàng Vũ H1, sinh ngày 14/11/2003, Hoàng Vũ H2, sinh ngày 17/11/2007 và Hoàng Vũ H3, sinh ngày 26/7/2011.

Hiện cháu H1 đang học năm 03 trường Đại học Công Nghiệp, có thể tự lo cho bản, có khả năng lao động, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu H1.

Đối với cháu H2 và cháu H3 hiện hai cháu đang do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu nhỏ cũng đã 13 tuổi, hai cháu có thể tự lo nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Hiện bà N đang làm tự do thu nhập cũng đủ để lo cho các con, ông Đ cũng không hỗ trợ bà chăm con hay đóng góp tài chính để lo cho con. Sau khi ly hôn, bà Vũ Thị N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là Hoàng Vũ H2 và Hoàng Vũ H3 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông Hoàng Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Văn Đ:

Kết quả xác minh tại Công an phường Tân Hải, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho biết ông Đ có hộ khẩu tại địa phương và hiện đang sinh sống tại thôn L, xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ tại hai địa chỉ trên, nhưng ông Đ không tham gia tố tụng và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

3. Tại phiên tòa:

Bà Vũ Thị N không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu ly hôn của bà N. Về con chung cháu Hoàng Vũ H1 đã trưởng thành, các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Giao cháu Hoàng Vũ H2 và Hoàng Vũ H3 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Vũ Thị N yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Hoàng Văn Đ, địa chỉ xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông ông Hoàng Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn Đ.

Về nội dung bà Vũ Thị N yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Hoàng Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 14/9/2002 và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 26/10/2022, nên hôn nhân giữa bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ là hợp pháp.

Xét mẫu thuẫn vợ chồng, bà N trình bày vợ chồng không có tiếng nói chung, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà N, không tham gia hòa giải đoàn tụ, không thể hiện mong muốn hàn gắn, cùng nhau xây dựng gia đình. Xét thấy, bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Bà Vũ Thị N xác định vợ chồng có ba con chung là Hoàng Vũ H1, sinh ngày 14/11/2003, Hoàng Vũ H2, sinh ngày 17/11/2007 và Hoàng Vũ H3, sinh ngày 26/7/2011, là phù hợp với giấy khai sinh của các cháu.

Đối với con chung Hoàng Vũ H1 đã trưởng thành, bà N và ông Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Hoàng Vũ H2 và Hoàng Vũ H3, ông Hoàng Văn Đ không có tranh chấp về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Bà Vũ Thị N yêu cầu trực tiếp nuôi hai con là Hoàng Vũ H2 và Hoàng Vũ H3 và không yêu cầu ông Hoàng Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Hoàng Vũ H2 và Hoàng Vũ H3 có nguyện vọng ở với mẹ, và hiện đang sống với bà N. Ông Đ không tranh chấp nuôi con. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N giao hai cháu Hoàng Vũ H2 và Hoàng Vũ H3 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có khả năng nuôi con, và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, không buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Hoàng Văn Đ.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Hoàng Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị N được ly hôn với ông Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Con chung Hoàng Vũ H1, sinh ngày 14/11/2003, bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Giao hai cháu Hoàng Vũ H2, sinh ngày 17/11/2007 và Hoàng Vũ H3, sinh ngày 26/7/2011 cho bà Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hoàng Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Hoàng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007480 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thị hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Vũ Thị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2024), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- UBND xã T, TX.P;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Việt Hà